

BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2009/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2009

THÔNG TƯ

ban hành Danh mục sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Pháp lệnh bưu chính, viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 24/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh bưu chính, viễn thông về tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này “Danh mục sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy”.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2009 và

thay thế cho Quyết định số 45/2006/QĐ-BBCVT ngày 03 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông ban hành “Danh mục sản phẩm thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Bưu chính, Viễn thông bắt buộc phải chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn”.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông

tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thành Hưng

**DANH MỤC SẢN PHẨM CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG BẮT BUỘC PHẢI
CHỨNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY**

*(kèm theo Thông tư số 07/2009/TT-BTTTT ngày 24 tháng 3 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

TT	Tên sản phẩm	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng
1	Thiết bị đầu cuối	
1.1	Thiết bị đầu cuối kết nối mạng viễn thông công cộng qua giao diện tương tự hai dây	TCN 68 - 188: 2000 TCN 68 - 190: 2003 TCN 68 - 211: 2002
1.2	Máy điện thoại không dây (loại kéo dài thuê bao)	TCN 68 - 143: 2003 TCN 68 - 188: 2000 TCN 68 - 190: 2003 TCN 68 - 192: 2003 TCN 68 - 211: 2002
1.3	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất công cộng	TCN 68 - 221: 2004 TCN 68 - 222: 2004 TCN 68 - 223: 2004 TCN 68 - 245: 2006
1.4	Tổng đài PABX	TCN 68 - 188: 2000 TCN 68 - 190: 2003
1.5	Thiết bị đầu cuối xDSL	TCN 68 - 190: 2003
2	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz, có công suất phát từ 60 mW trở lên	
2.1	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện cố định hoặc lưu động mặt đất	TCN 68 - 192: 2003 TCN 68 - 219: 2004 TCN 68 - 220: 2004 TCN 68 - 229: 2005 TCN 68 - 230: 2005 TCN 68 - 231: 2005 TCN 68 - 232: 2005 TCN 68 - 233: 2005

TT	Tên sản phẩm	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng
		TCN 68 - 235: 2006 TCN 68 - 236: 2006 TCN 68 - 237: 2006 TCN 68 - 238: 2006 TCN 68 - 242: 2006 TCN 68 - 251: 2006 TCN 68 - 252: 2006 ***
2.2	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho truyền hình quảng bá	TCN 68 - 192: 2003 TCN 68 - 246: 2006 ***
2.3	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho phát thanh quảng bá	TCN 68 - 192: 2003 ***
2.4	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho phát chuẩn (tần số, thời gian)	TCN 68 - 192: 2003 ***
2.5	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho định vị và đo đạc từ xa (trừ thiết bị dùng ngoài khơi cho ngành dầu khí).	TCN 68 - 192: 2003 TCN 68 - 243: 2000 ***
2.6	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho thông tin vệ tinh (trừ các thiết bị lưu động dùng trong hàng hải và hàng không)	TCN 68 - 180: 1999 TCN 68 - 192: 2003 TCN 68 - 215: 2002 TCN 68 - 214: 2002 ***
2.7	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ lưu động Hàng hải (kể cả các thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)	TCN 68 - 192: 2003 TCN 68 - 198: 2001 TCN 68 - 199: 2001 TCN 68 - 201: 2001 TCN 68 - 202: 2001 TCN 68 - 204: 2001 TCN 68 - 205: 2001 TCN 68 - 206: 2001 TCN 68 - 239: 2006 TCN 68 - 240: 2006 TCN 68 - 241: 2006

TT	Tên sản phẩm	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng
		TCN 68 - 247: 2006 TCN 68 - 248: 2006 TCN 68 - 249: 2006 TCN 68 - 250: 2006 ***
2.8	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện nghiệp dư	TCN 68 - 244: 2006 ***
2.9	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ lưu động Hàng không (kể cả các thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)	TCN 68 - 192: 2003 ***
3	Thiết bị trợ giúp bằng sóng vô tuyến điện	
3.1	Thiết bị Rađa	TCN 68 - 192: 2003 ***
3.2	Thiết bị vô tuyến dẫn đường	TCN 68 - 192: 2003 ***
3.3	Thiết bị cảnh báo, điều khiển xa bằng sóng vô tuyến điện	TCN 68 - 192: 2003 TCN 68 - 243: 2006 ***
3.4	Thiết bị nhận dạng bằng sóng vô tuyến điện	TCN 68 - 192: 2003 TCN 68 - 243: 2006 ***
4	Thiết bị truyền dẫn	
4.1	Thiết bị truyền dẫn vi ba số	TCN 68 - 137: 1995 TCN 68 - 156: 1995 TCN 68 - 158: 1995 TCN 68 - 234: 2006

Ghi chú:

- *** Áp dụng Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, Quyết định số 478/2001/QĐ-TCBD ngày 15/6/2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện về việc ban hành “Chi tiêu kỹ thuật áp dụng cho chứng nhận hợp chuẩn thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện”, Thê lệ thông tin vô tuyến thế giới của Liên minh Viễn thông Quốc tế ITU.